

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Châu Thanh Nguyên; bà Lê Huỳnh Ngọc Lý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Ngọc Trân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Châu Pho Ly.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 242/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 26/2024/TB-TA ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ A, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ G, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày: Bà Đ và ông N chung sống với nhau từ đầu năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh An Giang ngày 13/3/2017. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông N không chăm lo cho gia đình vợ con và đã ly thân từ tháng 03/2023 đến nay. Bà Đ yêu cầu ly hôn với ông N; về con chung Huỳnh Quốc H, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2016 hiện bà Đ đang nuôi cháu H, yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu

cầu ông N cấp dưỡng việc nuôi con; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn N vắng mặt tại phiên tòa và ý kiến trình bày: Ông N thống nhất về điều kiện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn như bà Đ trình bày. Do quá trình sống chung bà Đ có quan hệ bất chính với người khác nên cả hai thường xuyên cự cãi nhau, nhưng không vì thế mà ông không thương yêu bà Đ, ông N vẫn mong muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với bà Đ nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Huỳnh Quốc H, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2016 hiện bà Đ đang nuôi cháu H, ông N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng việc nuôi con; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Lời khai của cháu Huỳnh Quốc H, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2016: Cháu năm nay đang học lớp 2 chuẩn bị vào lớp 3 trường Tiểu học “B” Lương An Trà, nay cha mẹ ly hôn con có nguyện vọng được sống với mẹ Lê Thị Đ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Văn N có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ G, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Bà Đ khởi kiện xin ly hôn ông N, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Đ và ông N chung sống với nhau vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 13 tháng 3 năm 2017 được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Quá trình chung sống cả hai bất đồng quan điểm về lối sống, xuất phát từ đề kinh tế ông N không hỗ trợ về tài chính để bảo đảm cuộc sống cho hai mẹ con bà Đ nên bà Đ

đã về nhà cha mẹ ruột tại xã L sinh sống từ tháng 3/2023 đến nay. Hai bên không liên lạc gì với nhau từ khi ly thân đến nay. Căn cứ biên bản xác minh tại Ban N1 được cung cấp thông tin hai vợ chồng Đ, N trước đây có sinh sống tại địa phương, thỉnh thoảng có xảy ra cự cãi, còn về vấn đề gì thì không rõ, nhưng hiện nay bà Đ đã về nhà mẹ ruột tại xã L sinh sống, chỉ còn ông N sống mình tại A. Qua đó cho thấy cả hai đã xác định không còn sống chung với nhau từ tháng 3/2023 đến nay. Tuy ông N cho rằng vẫn còn tình cảm với bà Đ, không muốn ly hôn nhưng trong thời gian ly thân kéo dài ông N không có động thái gì tác động đến bà Đ thể hiện tình cảm mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc bà Đ xin ly hôn với ông N là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung: Bà Đ, ông N có con chung tên Huỳnh Quốc H, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2016, hiện đang sống chung với bà Đ. Cả ông N, bà Đ đều yêu cầu được nuôi cháu H sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng. Theo bản tự khai ngày 11 tháng 7 năm 2024 cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ phù hợp với quy định của pháp luật căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về điều kiện nuôi con thì cả ông N, bà Đ đều có đủ khả năng nuôi con. Cháu H là một đứa trẻ thông minh, phát triển bình thường về thể chất và trí lực. Do đó, cháu có nguyện vọng sống với bà Đ là phù hợp với hoàn cảnh sống hiện nay của cháu về môi trường học tập và sinh hoạt không bị xáo trộn, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà Đ tiếp tục nuôi cháu H, ông N không phải cấp dưỡng việc nuôi con do bà Đ không yêu cầu.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Đ đối với ông Huỳnh Văn N. Bà Lê Thị Đ được ly hôn với ông Huỳnh Văn N.

Về con chung: Bà Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Quốc H, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2016. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

Về án phí: Bà Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0012574 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà Đ đã nộp đủ án phí. Ông N không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND xã An Tứ;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Thúy Liễu